

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày 27 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Trần Văn Hùng

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Phùng Duy Phong.

1// Lương Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 41 tham gia phiên tòa: 3/ Trần Anh và 3/ Lưu Đại Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp kết hợp trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 23/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 04/02/2025 đối với các bị cáo:

01. Trần Đình L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26/9/1988 tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú xóm BA, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An; Căn cước công dân số: 040088017751, cấp ngày 05/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình B (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L1; Tiền án, tiền sự: Ngày 19/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2010/HSST và ngày 12/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2012/HSST; Nhân thân: Ngày 13/5/2002 bị Công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không tìm thấy hồ sơ lưu để xác định đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay chưa; Ngày 23/10/2003 bị đưa vào trường giáo dưỡng; Ngày 29/8/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2006/HSST, các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; Hiện đang bị tạm giam về tội giết người tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; Có mặt.

02. Nguyễn Xuân L2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/02/1993 tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An; Căn cước công dân số: 040093003664, cấp ngày 16/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/QNCN, Nhân viên quân khí, quân lực, d25, e324, QK 4; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Nguyễn Thị T3 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

01. Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 06/9/1985, tại xóm BD, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

02. Anh Nguyễn Huy H1, sinh ngày 19/7/2003, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

03. Anh Trần Hồng P1, sinh ngày 13/5/1994, tại xóm BA, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

04. Anh Nguyễn Văn G, sinh ngày 24/9/2004, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

05. Anh Đặng Văn B1, sinh ngày 09/12/1996, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

06. Anh Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/5/1995, tại xóm BÂ, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

07. Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/5/1987, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

08. Anh Nguyễn Văn T4, sinh ngày 11/3/1996, tại xóm BD, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

09. Anh Nguyễn Vĩnh Q1, sinh ngày 02/9/2005, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

10. Anh Lê Đình H3, sinh ngày ngày 08/7/1998, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

11. Anh Hoàng Đình Nh, sinh ngày 06/10/1979, tại xóm BD, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Những người làm chứng.

01. Anh Lê Tiến Đ, sinh ngày 21/02/1995. Vắng mặt.

02. Anh Nguyễn Văn T5, sinh ngày 18/11/1991. Vắng mặt.

03. Chị Nguyễn Thị H4, sinh ngày 01/7/1970. Vắng mặt.

04. Anh Nguyễn Viết K1, sinh ngày 02/8/2007. Vắng mặt.

05. Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày 06/6/1987. Vắng mặt.

06. Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 06/02/1972. Vắng mặt.

07. Anh Trần Thanh T6, sinh ngày 27/7/1989. Vắng mặt.

08. Anh Nguyễn Hồng Q2, sinh ngày 27/8/1989. Vắng mặt.

09. Anh Nguyễn Thanh Q3, sinh ngày 10/5/1971. Vắng mặt.

Tất cả đều cư trú tại xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An.

10. Anh Phan Hoàng N, sinh ngày 05/6/1999 tại thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

11. Anh Phạm Quốc Q4, sinh ngày 10/8/1991 tại xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống tại địa phương nhận thấy một số người dân trên địa bàn xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An có nhu cầu vay tiền với thủ tục nhanh, không cần thế chấp tài sản nên Trần Đình L, sinh ngày 26/9/1988, nơi cư trú xóm BA, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An đã bàn bạc với Nguyễn Xuân L2, sinh ngày 09/02/1993, cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 2/ QNCN, Nhân viên quân khí, quân lực, d25, e324, QK4 cho người có nhu cầu vay tiền với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tiền lãi tính theo tháng và mỗi tháng là 30 (Ba mươi ngày), tính từ ngày bắt đầu vay cho đến ngày trùng của tháng kế tiếp nếu không có ngày trùng của tháng kế tiếp thì tính vào ngày cuối của tháng kế tiếp. Nếu đến thời điểm trả tiền lãi mà chưa trả tiền gốc hoặc chưa trả hết tiền gốc thì tiền gốc còn lại sẽ được tính lãi cho tháng tiếp theo nếu không trả tiền lãi hoặc trả không đủ thì xem như nợ lãi nhưng không cộng dồn vào tiền gốc để tính lãi. Nếu người vay có khó khăn thì sẽ thống nhất lại nội dung thỏa thuận mới để cho người vay trả nợ. Khi người vay tiền có nhu cầu sẽ liên lạc với Trần Đình L hoặc Nguyễn Xuân L2 để thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, cách thức trả tiền lãi. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 cụ thể như sau:

01. Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 06/9/1985, tại xóm BĐ, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 16/01/2023 đến ngày 05/7/2023 (05 tháng 19 ngày) với tổng số tiền là 15.200.000 (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó Trần Đình L hưởng số tiền lãi là 12.200.000 (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 3.000.000 (Ba triệu đồng). Chị Nguyễn Thị K đã trả số tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

02. Anh Nguyễn Huy H1, sinh ngày 19/7/2003, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 26/3/2023 đến ngày 15/02/2024 (10 tháng 20 ngày) với tổng số tiền là 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh Nguyễn Huy H1 đã trả số tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

03. Anh Trần Hồng P1, sinh ngày 13/5/1994, tại xóm BA, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay 03 (Ba) lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 05/4/2023 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 05/4/2023 đến ngày 05/12/2023 (08 tháng) với số tiền là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 08/5/2023 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 08/5/2023 đến ngày 08/12/2023 (07 tháng) với số tiền là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 30/8/2023 vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 30/8/2023 đến ngày 30/12/2023 (04 tháng) với số tiền là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền vay 03 (Ba) lần của anh Trần Hồng P1 là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) với tổng số tiền lãi là 20.700.000 (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền lãi là 15.700.000 (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 5.000.000 (Năm triệu đồng). Anh Trần Hồng P1 đã trả số tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng) còn lại là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

04. Anh Nguyễn Văn G, sinh ngày 24/9/2004, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 29/5/2023 đến ngày 16/12/2023 (06 tháng 17 ngày) với tổng số tiền là 5.910.000 (Năm triệu chín trăm mười nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh Nguyễn Văn G đã trả tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

05. Anh Đặng Văn B1, sinh ngày 09/12/1996, tại xóm CK, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay 02 (Hai) lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 02/6/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 02/6/2023 đến ngày 02/3/2024 (09 tháng) với số tiền là 8.100.000 (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 11/10/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 11/10/2023 đến ngày 17/3/2024 (05 tháng 06 ngày) với số tiền lãi là 4.680.000 (Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền vay của anh Đặng Văn B1 là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) với tổng số tiền lãi là 12.780.000 (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh Đặng Văn B1 chưa trả số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

06. Anh Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/5/1995, tại xóm BA, xã HT, huyện ND, tỉnh Nghệ An vay 04 (Bốn) lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 07/7/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 07/7/2023 đến ngày 07/3/2024 (08 tháng) với số tiền là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 22/8/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/3/2024 (07 tháng) với số tiền là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 05/9/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 05/9/2023 đến ngày 05/3/2024 (06 tháng) với số tiền là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần thứ tư: Ngày 14/9/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 14/9/2023 đến ngày 14/3/2024 (06 tháng) với số tiền là 4.900.000 (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền vay của anh Nguyễn Duy H2 là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) với tổng số tiền lãi là 23.800.000 (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 14.350.000 (Mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 9.450.000 (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Duy H2 chưa trả số tiền gốc là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng).

07. Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/5/1987, tại xóm CK, xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vay số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 12/8/2023 đến ngày 12/12/2023 (04 tháng) với tổng số tiền là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn C chưa trả số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

08. Anh Nguyễn Văn T4, sinh ngày 11/3/1996, tại xóm BĐ, xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 14/8/2023 đến ngày 14/12/2023 (04 tháng) với số tiền là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh Nguyễn Văn T4 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

09. Anh Nguyễn Vĩnh Q1, sinh ngày 02/9/2005, tại xóm CK, xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vay 02 (Hai) lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 05/6/2023 vay số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 05/6/2023 đến ngày 05/7/2023 (01 tháng) với số tiền là 630.000 (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 07/7/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 07/7/2023 đến ngày 07/9/2023 (02 tháng) với số tiền là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền vay của anh Nguyễn Vĩnh Q1 là 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng) với số tiền lãi là 2.430.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 1.530.000 (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Vĩnh Q1 đã trả số tiền gốc là 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng).

10. Anh Lê Đình H3, sinh ngày ngày 08/7/1998, tại xóm CK, xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 26/5/2023 đến ngày 26/01/2023 (08 tháng) với số tiền là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh Lê Đình H3 đã trả tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

11. Anh Hoàng Đình Nh, sinh ngày 06/10/1979, tại xóm BĐ xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An vay 02 (Hai) lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 09/9/2023 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 09/9/2023 đến ngày 09/02/2024 (05 tháng) với số tiền là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 05/01/2024 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 05/01/2024 đến ngày 05/3/2024 (02 tháng) với số tiền là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền vay của anh Hoàng Đình Nh là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) với số tiền lãi là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 2.000.000 (Hai triệu đồng). Anh Hoàng Đình Nh đã trả số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra Trần Đình L còn cho 02 người vay riêng với số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) cụ thể: Anh Nguyễn Văn T4 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 31/8/2023 đến ngày 29/02/2024 (06 tháng) với số tiền là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) và anh Nguyễn Văn G vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả lãi từ ngày 02/02/2024 đến ngày 02/3/2024 (01 tháng) với số tiền là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Văn G đã trả tiền gốc mỗi người là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

Như vậy, từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024 Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 đã cho 11 (Mười một) người vay chung và riêng với tổng số tiền gốc là 247.000.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) thu số tiền lãi là 121.020.000 (Một trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong đơn trình báo vào ngày 19/4/2024 của anh Nguyễn Duy H2, sinh ngày 07/5/1995 tại xóm BA, xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An về việc anh Nguyễn Duy H2 có vay tiền của Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 với số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với lãi suất 108%/năm).

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo Trần Đình L2 và Nguyễn Xuân L2 khai: Trong quá trình sinh sống tại địa phương nhận thấy một số người dân trên địa bàn xã HT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An có nhu cầu vay tiền với thủ tục nhanh, không cần thế chấp tài sản nên Trần Đình L đã bàn bạc với Nguyễn Xuân L2 cho người có nhu cầu vay tiền với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, tiền lãi tính theo hàng tháng và mỗi tháng là 30 (Ba mươi) ngày, tính từ ngày bắt đầu vay cho đến ngày trùng của tháng kế tiếp nếu không có ngày trùng của tháng kế tiếp thì tính vào ngày cuối của tháng kế tiếp. Nếu đến thời điểm trả tiền lãi mà chưa trả tiền gốc hoặc chưa trả hết tiền gốc thì tiền gốc còn lại sẽ được tính lãi cho tháng tiếp theo nếu không trả tiền lãi hoặc trả không đủ thì xem như nợ lãi nhưng không cộng dồn vào tiền gốc để tính lãi. Nếu người vay có khó khăn thì sẽ thống nhất lại nội dung thỏa thuận mới để cho người vay trả nợ. Khi người vay tiền có nhu cầu sẽ liên lạc với Trần Đình L hoặc Nguyễn Xuân L2 để thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, cách thức trả tiền lãi. Từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024 Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 đã cho 11 (Mười một) người vay với tổng số tiền 247.000.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) thu số tiền lãi là 121.020.000 (Một trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong đơn xin vắng mặt và trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 cho vay tiền với thủ tục nhanh, không cần thế chấp tài sản với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, tiền lãi tính theo hàng tháng và mỗi tháng là 30 (Ba mươi) ngày, trong đó chị Nguyễn Thị K vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 15.200.000 (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và đã trả tiền gốc; Anh Nguyễn Huy H1 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 7.846.575 (Bảy triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng) và đã trả tiền gốc; Anh Trần Hồng P1 là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 20.700.000 (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và đã trả tiền gốc 10.000.000 (Mười triệu đồng) còn lại là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng); Anh Nguyễn Văn G vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 5.910.000 (Năm triệu chín trăm mười nghìn đồng) và đã trả hết tiền gốc; Anh Đặng Văn B1 là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 12.780.000 (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc; Anh Nguyễn Duy H2 là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 23.800.000 (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc; Anh Nguyễn Văn C vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và chưa trả tiền gốc; Anh Nguyễn Văn T4 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và đã trả hết tiền gốc; Anh Nguyễn Vĩnh Q1 là 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 2.430.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và đã trả tiền gốc; Anh Lê Đình H3 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và đã trả tiền gốc; Anh Hoàng Đình Nh vay số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và đã trả tiền gốc.

Ngoài ra có 02 người vay riêng của Trần Đình L là anh Nguyễn Văn T4 vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) và anh Nguyễn Văn G vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả số tiền lãi là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Văn G đã trả tiền gốc.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS41 ngày 21/12/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 41 truy tố các bị can Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo; bị cáo Nguyễn Xuân L2 điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình L vì có bố đẻ là ông Trần Đình B được tặng giấy khen năm 2004, 2005, 2006, Bằng khen năm 2001, 2006, 2007 và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L1 được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, Chiến sỹ thi đua cơ sở, bà ngoại Lê Thị N1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và bị cáo Nguyễn Xuân L2 được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến năm 2013, 2020.

Đối với bị cáo Trần Đình L ngày 19/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2010/HSST và ngày 12/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2012/HSST áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bản án trên bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ án phí nên chưa được xóa án tích, vì vậy áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo Trần Đình L.

Trên cơ sở đó Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình L đề nghị xử phạt số tiền từ 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) đến 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Xuân L2 đề nghị xử phạt số tiền từ 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) đến 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng).

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (Một) chiếc điện thoại của Nguyễn Xuân L2.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu và tiêu hủy đối với 01 (Một) sim điện thoại có số thuê bao là 0352522322.

+ Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Buộc Trần Đình L phải nộp lại số tiền gốc là 118.280.000 (Một trăm mười tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội và 22.197.257 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) đây là tiền do phạm tội mà có. Tổng cộng 02 (Hai) khoản là 140.477.257 (Một trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Xuân L2 phải nộp lại số tiền gốc là 18.720.000 (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Trần Hồng P1 phải nộp lại số tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Đặng Văn B1 phải nộp lại số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Duy H2 phải nộp lại số trả tiền gốc là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp lại số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị K số tiền là 12.421.918 (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), trong đó Trần Đình L là 9.421.918 (Chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) và Nguyễn Xuân L là 3.000.000 (Ba triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Huy H1 số tiền là 7.846.575 (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Trần Hồng P1 số tiền là 16.919.179 (Mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), trong đó Trần Đình L là 11.919.179 (Mười một triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 5.000.000 (Năm triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn G số tiền lãi vay chung là 4.830.548 (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) và số tiền lãi vay riêng là 735.616 (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng) tổng cộng 02 (Hai) khoản là 5.566.164 (Năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Đặng Văn B số tiền là 10.445.753 (Mười triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Duy H2 số tiền là 19.361.645 (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó Trần Đình L là 9.911.645 (Chín triệu chín trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 9.450.000 (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) trong đó Trần Đình L là 4.084.932 (Bốn triệu không trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền lãi vay chung là 2.942.466 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi vay riêng là 4.413.699 (Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) tổng cộng 02 (Hai) khoản là 7.356.165 (Bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Vĩnh Q1 số tiền là 1.986.165 (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 1.086.165 (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Lê Đình H3 số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Hoàng Đình Nh số tiền là 5.149.315 (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 3.149.315

(Ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo Trần Đình L phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 76.672.743 (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 22.150.000 (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Về án phí.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án như sau:

- Các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với tổng số tiền phải hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

Bị cáo Trần Đình L là 3.833.637 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Bị cáo Nguyễn Xuân L2 là 1.107.500 (Một triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

Tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng các bị cáo đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên và mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bản thân, gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 đã cho 11 (Mười một) người vay chung và riêng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó tổng số tiền gốc cho vay là 247.000.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) thu số tiền lãi là 121.020.000 (Một trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật Dân sự là 22.197.257 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) thu lợi bất chính số tiền là 98.822.743

(Chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự khu vực 41 truy tố các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

[3]. Về tính chất, hành vi của các bị cáo.

Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo trong vụ án cho người có nhu cầu vay tiền với lãi suất cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự mặc dù các bị cáo nhận thức được đây là hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước nhưng vẫn thực hiện với mục đích thu lợi bất chính không thông qua lao động, điều này gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó, việc xử lý hình sự đối với các bị cáo trong vụ án là rất cần thiết.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Đình L là người tìm kiếm người vay, cung cấp tiền, ấn định lãi suất, cách thức trả tiền lãi nên đóng vai trò là người tổ chức, bị cáo Nguyễn Xuân L2 là tìm kiếm người vay, chuyển tiền cho người vay nên đóng vai trò là người thực hành, hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

01. Chị Nguyễn Thị K vay tổng số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 15.200.000 (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 2.778.082 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng) và số tiền thu lợi bất chính là 12.421.918 (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), trong đó Trần Đình L hưởng số tiền là 12.200.000 đồng và Nguyễn Xuân L2 là 3.000.000 (Ba triệu đồng). Chị K đã trả hết số tiền gốc.

02. Anh Nguyễn Huy H1 vay tổng số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 1.753.425 (Một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) thu lợi bất chính số tiền là 7.846.575 (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh H1 đã trả hết số tiền gốc.

03. Anh Trần Hồng P1 vay 03 (Ba) lần với tổng số tiền là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 20.700.000 (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 3.780.821 (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi một đồng) thu lợi bất chính số tiền là 16.919.179 (Mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 15.700.000 (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 5.000.000 (Năm triệu đồng). Anh P1 đã trả số tiền gốc là 10.000.000 (Mười triệu đồng) còn lại là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) chưa trả.

04. Anh Nguyễn Văn G vay tổng số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 5.910.000 (Năm triệu chín trăm mười nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 1.079.452 (Một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) thu lợi bất chính số tiền là 4.830.548 (Bốn triệu tám

trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh G đã trả hết số tiền gốc.

05. Anh Đặng Văn B1 vay 02 (Hai) lần với tổng số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 12.780.000 (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 2.334.247 (Hai triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng) thu lợi bất chính số tiền 10.445.753 (Mười triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh B chưa trả tiền gốc.

06. Anh Nguyễn Duy H2 vay 04 (Bốn) lần với tổng số tiền là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 23.800.000 (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 4.438.355 (Bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng) thu lợi bất chính số tiền là 19.361.645 (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 14.350.000 (Mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 9.450.000 (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H2 chưa trả tiền gốc.

07. Anh Nguyễn Văn C vay tổng số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 1.315.068 (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) thu lợi bất chính số tiền 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Anh C chưa trả tiền gốc.

08. Anh Nguyễn Văn T4 vay tổng số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 657.534 (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng) thu lợi bất chính số tiền 2.942.466 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và Trần Đình L hưởng hết. Anh T4 đã trả hết số tiền gốc.

09. Anh Nguyễn Vĩnh Q1 vay 02 (Hai) lần với tổng số tiền là 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 2.430.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 443.835 (Bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng) thu lợi bất chính số tiền là 1.986.165 (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 1.530.000 (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng). Anh Q1 đã trả hết số tiền gốc.

10. Anh Lê Đình H3 vay tổng số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 1.315.068 (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) thu lợi bất chính số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Trần Đình L hưởng toàn bộ số tiền lãi. Anh H3 đã trả hết số tiền gốc.

11. Anh Hoàng Đình Nh vay 02 (Hai) lần với tổng số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 1.150.685 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) thu lợi bất chính số tiền 5.149.315 (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) và Trần Đình L hưởng số tiền là 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 2.000.000 (Hai triệu đồng). Anh Nh đã trả hết số tiền gốc.

Ngoài ra Trần Đình L còn cho 02 (Hai) người vay riêng với số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) cụ thể: Anh Nguyễn Văn T4 vay với số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 986.301 (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng) thu lợi bất chính số tiền 4.413.699 (Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Anh Nguyễn Văn G vay với số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) đã trả tổng số tiền lãi là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng) tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 164.384 (Một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) thu lợi bất chính số tiền 735.616 (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Văn G đã trả tiền gốc mỗi người là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

Như vậy từ khoảng tháng 01/2023 đến 3/2024 Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 đã cho 11 (Mười một) người vay chung và riêng với tổng số tiền 247.000.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) thu số tiền lãi là 121.020.000 (Một trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) trong đó tiền lãi 20% theo Bộ luật dân sự là 22.197.257 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) thu lợi bất chính số tiền là 98.822.743 (Chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng). Người vay đã trả số tiền gốc là 137.000.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu) còn lại là 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng).

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Xuân Lý điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình L vì có bố đẻ là ông Trần Đình B được tặng giấy khen năm 2004, 2005, 2006, Bằng khen năm 2001, 2006, 2007, có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L1 được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, Chiến sỹ thi đua cơ sở và có bà ngoại là Lê Thị N1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Xuân L2 được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến năm 2013, 2020.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trần Đình L ngày 19/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2010/HSST và ngày 12/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành

phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2012/HSST đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bản án trên bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ án phí nên chưa được xóa án tích, vì vậy áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo Trần Đình L.

Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[5]. Về tính chất hành vi và quyết định hình phạt của các bị cáo.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Trần Đình L là người tổ chức nên chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân xấu. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L2 là người thực hành nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Trần Đình L, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xét xử lần nào và có nơi cư trú rõ ràng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tội danh mà Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 bị truy tố là khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng và thuộc nhóm tội trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe các bị cáo.

Các bị cáo đã bị xử phạt với hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng xử phạt bổ sung.

Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn và có những bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc, có xem xét khi quyết định hình phạt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do đó để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về biện pháp tư pháp.

Tổng số tiền gốc mà Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 đã cho vay là 247.000.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, đối với số tiền gốc người vay đã trả cho Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 thì tịch thu từ hai bị cáo, đối với số tiền gốc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả hoặc trả chưa hết thì cần buộc họ phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước. Trong đó tịch thu số tiền gốc của Trần Đình L đang giữ là 118.280.000 (Một trăm mười tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và Nguyễn Xuân L2 đang giữ là 18.720.000 (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại tổng số tiền gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng). Cụ thể:

- Buộc anh Trần Hồng P1 phải nộp lại số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

- Buộc anh Đặng Văn B1 phải nộp lại số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Duy H2 phải nộp lại số tiền là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp lại số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Trong vụ án Trần Đình L là người cung cấp số tiền gốc và nhận tiền lãi từ người vay sau đó chia cho Nguyễn Xuân L2 nên cần truy thu số tiền lãi mà người vay đã trả cho Trần Đình L trong mức 20% theo Bộ luật dân sự còn đối với Nguyễn Xuân L2 truy thu số tiền tương ứng với số tiền được Trần Đình L trả.

Tổng số tiền lãi mà Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 nhận được từ người vay là 121.020.000 (Một trăm hai mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 22.197.257 (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu từ Trần Đình L, đối với số tiền trên 20% theo Bộ luật dân sự là 98.822.743 (Chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) là tiền thu lợi bất chính, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì trả lại cho người vay. Cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị K số tiền là 12.421.918 (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) trong đó Trần Đình L là 9.421.918 (Chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 3.000.000 (Ba triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Huy H1 số tiền 7.846.575 (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Trần Hồng P1 số tiền là 16.919.179 (Mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) trong đó Trần Đình L là 11.919.179 (Mười một triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 5.000.000 (Năm triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn G số tiền lãi vay chung là 4.830.548 (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) và số tiền lãi vay riêng là 735.616 (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng) tổng cộng 02 (Hai) khoản là 5.566.164 (Năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Đặng Văn B1 số tiền là 10.445.753 (Mười triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Duy H2 số tiền là 19.361.645 (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 9.911.645 (Chín triệu chín trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 9.450.000 (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) trong đó Trần Đình L là 4.084.932

(Bốn triệu không trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền lãi vay chung là 2.942.466 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi vay riêng là 4.413.699 (Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) tổng cộng 02 (Hai) khoản là 7.356.165 (Bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng). và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Vĩnh Q1 số tiền là 1.986.165 (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó Trần Đình L là 1.086.165 (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Lê Đình H3 số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Hoàng Đình Nh số tiền là 5.149.315 (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 3.149.315 (Ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo Trần Đình L phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 76.672.743 (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 22.150.000 (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[7]. Xử lý vật chứng.

Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động của Nguyễn Xuân L2 tại phiên tòa xác định được đây là phương tiện mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (Một) sim điện thoại số thuê bao 0352522322 là vật chứng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu và tiêu hủy.

Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/12/2024 giữa Cơ quan điều tra hình sự khu vực 2 Quân khu 4 và Cơ quan thi hành án Quân khu 4.

[8]. Về án phí.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án như sau:

+ Các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

+ Các bị cáo phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với tổng số tiền phải hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

Bị cáo Trần Đình L $76.672.743 \times 5\% = 3.833.637$ đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Bị cáo Nguyễn Xuân L2 là $22.150.000 \times 5\% = 1.107.500$ (Một triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Đình L số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Xuân L2 số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (Một) chiếc điện thoại của Nguyễn Xuân L2.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu và tiêu hủy đối với 01 (Một) sim điện thoại có số thuê bao 0352522322.

Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/12/2024 giữa Cơ quan điều tra hình sự khu vực 2 Quận 4 và Cơ quan thi hành án Quận 4.

3. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc Trần Đình L phải nộp lại số tiền gốc là 118.280.000 (Một trăm mười tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội và 22.197.257 (Hai mươi hai triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) đây là số tiền do phạm tội mà có. Tổng cộng hai khoản là 140.477.257 (Một trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Xuân L2 phải nộp lại số tiền gốc là 18.720.000 (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Trần Hồng P1 phải nộp số tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Đặng Văn B1 phải nộp lại số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Duy H2 phải nộp lại số trả tiền gốc là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp lại số tiền gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị K số tiền là 12.421.918 (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), trong đó Trần Đình L là 9.421.918 (Chín triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 3.000.000 (Ba triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Huy H1 số tiền là 7.846.575 (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Trần Hồng P1 số tiền là 16.919.179 (Mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), trong đó Trần Đình L là 11.919.179 (Mười một triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 5.000.000 (Năm triệu đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn G tổng số tiền là 5.566.164 (Năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Đặng Văn B1 số tiền là 10.445.753 (Mười triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Duy H2 số tiền là 19.361.645 (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó Trần Đình L là 9.911.645 (Chín triệu chín trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 9.450.000 (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) trong đó Trần Đình L là 4.084.932 (Bốn triệu không trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T4 tổng số tiền là 7.356.165 (Bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Nguyễn Vĩnh Q1 số tiền là 1.986.165 (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 1.086.165 (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 900.000 (Chín trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Lê Đình H3 số tiền là 5.884.932 (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và Trần Đình L phải trả số tiền này.

- Trả lại cho anh Hoàng Đình Nh số tiền là 5.149.315 (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) trong đó Trần Đình L là 3.149.315 (Ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo Trần Đình L phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 76.672.743 (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) và Nguyễn Xuân L2 là 22.150.000 (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Các bị cáo Trần Đình L và Nguyễn Xuân L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Các bị cáo phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với tổng số tiền phải hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

Bị cáo Trần Đình L là 3.833.637 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Bị cáo Nguyễn Xuân L2 là 1.107.500 (Một triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/5/2025) đối với các bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4.

Nơi nhận:

- VKSQSKV41;
- VKSQK4;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAQSTW;
- CQĐTHSKV2;
- THA HS; THA DS;
- Lưu: Hồ sơ, H20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1// Trần Văn Hùng